

Số: 77/202/HNGĐ-ST  
Ngày: 18- 10- 2021  
Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu T

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn C
2. Bà Võ Thị Mỹ N

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên tòa:* (không tham gia)

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:103/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “ tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2021 và quyết định đưa vụ án ra xét xử số:102/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự :

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú số 84/2, đường Hoàng Hoa T, Phường 2, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

Địa chỉ liên lạc số 52/4A, đường Nguyễn H, Phường 2, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Phúc H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp Ninh C, xã Ninh Q A, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L; Tạm trú tại nhà số 84/2, đường Hoàng Hoa T, Phường 2, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2021, nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phúc H và tranh chấp về con chung, tài sản và nợ tài sản không yêu cầu giải quyết.

**Bà T khai,** trước khi cưới bà T và ông H quen biết tìm hiểu nhau thời gian và sau đó tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Q A, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L vào ngày 24/12/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, bắt đầu từ tháng 3 năm 2021 vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H thường xuyên ăn chơi liên tục nhiều ngày liền không về nhà, khi về nhà luôn trong

tình trạng say rượu. Ông H có hành vi đánh đập bà T nhưng vì cuộc sống riêng tư nên không có báo với chính quyền địa phương. Kể từ tháng 3 năm 2021 vợ chồng đã ly thân, khi bà T nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì ông H công khai mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà T xác định không còn tình cảm với ông H, cương quyết ly hôn với ông H.

Bà T và ông H có với nhau hai người con chung là Nguyễn Phúc Quỳnh N, sinh ngày 10/5/2017 và Nguyễn Phúc Minh K, sinh ngày 09/01/2019. Khi ly hôn, yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông H phải cấp dưỡng nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, mỗi người con là 800.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung, không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn Nguyễn Phúc H vắng mặt các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ:** Tòa án đã triệu tập họp lệ các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/4/2021 và ngày 11/5/2021, để tham gia phiên họp vào ngày 04/5/2021 và ngày 28/5/2021 nhưng ông H vắng mặt, không lý do và không có lời khai phản hồi vụ án nêu trên.

**Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bà T theo đơn đề nghị ngày 28/5/2021 và trình bày ý kiến rằng:** Bảo lưu ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 28/5/2021, bà T không có xuất trình nộp tài liệu, chứng cứ mới.

**Tại phiên tòa sơ thẩm ông H vắng mặt,** Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng lần thứ nhất vào ngày 02/6/2021 để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 22/6/2021 và sau khi hết thời hạn thực hiện giãn cách xã hội, Tòa án triệu tập lần hai vào ngày 01/10/2021 để tham gia phiên tòa sơ thẩm vào ngày 18/10/2021 nhưng ông H vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu ly hôn; bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Đây là tranh chấp ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt, không có lý do; bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm vắng mặt ông H, bà T theo luật định.

[2]. Hôn nhân giữa bà T và ông H có đăng ký kết hôn là tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn ngày 24/12/2015.

Xét lời khai của bà T cho rằng, nguyên nhân ly hôn là do đôi bên có mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không có sự tôn trọng giữa vợ chồng. Đối với ông H không tham gia phiên hòa giải, không có văn bản phản hồi thông báo thụ lý vụ án và Tòa án đã tổng đạt thông báo kết quả hòa giải vào ngày 02/6/2021 nhưng cho đến phiên tòa sơ thẩm, ông H không có phản hồi và xuất trình nộp tài liệu, chứng cứ nên ông H phải chịu mọi hậu quả do không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Bà T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai người con chung, tuổi đời còn rất nhỏ. Về điều kiện thu nhập kinh tế ổn định nên bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con là hợp lí. Còn đối với mức cấp dưỡng, bà T yêu cầu là phù hợp với pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 81, các Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Ông H phải cấp dưỡng cho Quỳnh N và Minh K đến khi đủ 18 tuổi, bằng hình thức mỗi tháng 800.000 đồng/tháng/01 người con. Tổng cộng mỗi tháng cho hai người con là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho bà T để nuôi con.

Bà T và ông H phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”; “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản, bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N<sup>0</sup> 0000133 ngày 01/4/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vinh L; bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông H không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Phúc H.

**2. Về con chung:** Bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Phúc Quỳnh N, sinh ngày 10/5/2017 và Nguyễn Phúc Minh K, sinh ngày 09/01/2019.

Buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung Quỳnh N và Minh K cho đến khi tròn 18 tuổi, bằng hình thức mỗi tháng 800.000 đồng/01 người con. Tổng cộng hai con chung là 1.600.000 đồng/tháng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Ông H được quyền tới thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

**3. Về tài sản chung, nợ tài sản:** Bà T không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**4. Về án phí sơ thẩm:** Bà T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N<sup>0</sup> 0000133 ngày 01/4/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thu T

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.